

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Kon Tum
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp chuyên đề.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-TTg, ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo kết luận số 36/TB-TTHĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về các nội dung trình kỳ họp chuyên đề Hội đồng nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp chuyên đề xem xét ban hành Nghị quyết về thông qua Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Điểm i khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch năm 2017 quy định về quy trình lập quy hoạch như sau: “i) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt”.

Điểm c, khoản 4, Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023, quy định như sau: “Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch theo quy định tại Điều 35 Luật Quy hoạch; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan khác”.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết về thông qua Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là cần thiết và đúng quy định.

II. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Luật Quy hoạch năm 2017, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là *Quy hoạch tỉnh*) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan được giao nhiệm vụ lập *Quy hoạch tỉnh*) tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum. Đến nay, Quy hoạch tỉnh đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh tổ chức phiên họp thẩm định vào ngày 10 tháng 10 năm 2023 với 100% thành viên Hội đồng thẩm định thống nhất thông qua và giao tỉnh tiếp tục hoàn chỉnh.

Trên cơ sở Báo cáo số 8927/BC-HĐTĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh về Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị, địa phương tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Quy hoạch tỉnh. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, xây dựng dự thảo Nghị quyết về Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm có 02 điều, cụ thể:

“**Điều 1.** Thông qua Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung như sau:

I. Phạm vi, ranh giới Quy hoạch:

- Phạm vi lập quy hoạch tỉnh Kon Tum bao gồm toàn tỉnh Kon Tum với diện tích tự nhiên 9.677,3 km²; 10 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: 01 thành phố (*Kon Tum*); 09 huyện (*Đăk Hà, Đăk Tô, Đăk Glei, Sa Thầy, Ia H'Drai, Ngọc Hồi, Kon Plông, Kon Rẫy, Tu Mơ Rông*) với tổng số 102 xã, phường, thị trấn.

- Toàn bộ ranh giới hành chính tỉnh Kon Tum, tại tọa độ địa lý từ 107⁰20'15" đến 108⁰32'30" Kinh độ Đông và từ 13⁰55'10" đến 15⁰27'15" Vĩ độ Bắc; phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam; phía Nam giáp tỉnh Gia Lai; phía Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi; phía Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia.

II. Quan điểm, mục tiêu phát triển; các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

1. Quan điểm phát triển

- *Quan điểm chung*: Phát triển tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia, vùng Tây Nguyên, các quy hoạch ngành quốc gia liên quan đến địa bàn tỉnh; Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả, với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế.

- *Quan điểm phát triển kinh tế*: Phát triển kinh tế theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, toàn diện, nhanh và bền vững; chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn, giá trị gia tăng cao là nền tảng, các ngành công nghiệp năng lượng, khai khoáng, chế biến, chế tạo và du lịch là mũi nhọn đột phá;

Lựa chọn mô hình tăng trưởng hợp lý trên cơ sở cân đối vốn đầu tư theo khả năng huy động nhằm đảm bảo cân bằng giữa các ngành sản xuất, chuyển dịch cơ cấu sản xuất với tốc độ phù hợp với năng lực của các nguồn lực kinh tế và nâng cao phúc lợi xã hội. Bố trí hợp lý và tập trung các khu vực kinh tế, tạo lập các cực tăng trưởng mạnh và các mối liên kết phát triển trong vùng, khu vực; giảm thiểu các khu vực kinh tế không chính thức, phân tán, nhỏ lẻ. Đảm bảo cân đối giữa lợi ích phát triển kinh tế với các lợi ích khác, trong đó cần ưu tiên phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế phục vụ tối đa cho hoạt động của các ngành quan trọng (*được lựa chọn theo các kịch bản phát triển*), các cực tăng trưởng và các mối liên kết theo lãnh thổ..., đảm bảo cho nền tảng kinh tế tỉnh có thể phát triển nhanh, đạt hiệu quả cao, với khát vọng xây dựng thương hiệu tỉnh Kon Tum đặc sắc và nổi bật với đất nước và khu vực.

- *Quan điểm phát triển xã hội*: Phát triển xã hội văn minh, thân thiện trên cơ sở đảm bảo các chỉ tiêu và kết cấu hạ tầng xã hội; trong đó đặc biệt cần xem xét rà soát, sắp xếp lại hệ thống đô thị, các điểm dân cư nông thôn trên cơ sở ưu tiên phát triển các đô thị lớn có sức hút lớn, có nhiều việc làm và dịch vụ xã hội, gắn với các khu, điểm kinh tế chuyên ngành, tạo lực kéo đẩy mạnh, nhằm đẩy nhanh tốc độ và mức độ đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đô thị; sắp xếp và bảo tồn hệ thống các điểm dân cư nông thôn theo hướng nông thôn mới và đề cao sắc thái dân tộc;

Phát triển kinh tế - xã hội dựa trên nền tảng phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng. Đổi mới mạnh mẽ tư duy và hành động. Phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người làm trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển. Lấy

đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển giáo dục - đào tạo là nền tảng cho sự phát triển bền vững. Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và lực lượng lao động tay nghề cao trong nước và ngoài nước. Chủ động, tích cực tiếp cận và khai thác triệt để những cơ hội và thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng phục vụ thiết thực đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội của tỉnh.

- *Quan điểm phát triển không gian*: Tổ chức không gian chiến lược cho các hoạt động kinh tế - xã hội Kon Tum không tách rời một số định hướng phát triển quan trọng đã được xác lập theo các quy hoạch và dự án đã và đang được lập và phê duyệt; đề xuất các yếu tố mới trên cơ sở phát triển kinh tế - xã hội toàn diện trong mối quan hệ mật thiết hữu cơ với các vùng xung quanh trong sự phân công hợp tác cùng có lợi. Trong đó cần làm rõ sự gắn kết với sự phát triển kinh tế - xã hội của các vùng chức năng với các hành lang kinh tế của tỉnh, vùng nhằm thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng; tạo đột phá phát huy các tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh từng địa phương của tỉnh, gắn kết với vùng Tây Nguyên; Tập trung đầu tư phát triển và quản lý đô thị theo hướng xanh, thông minh, tiết kiệm tài nguyên năng lượng và bản sắc rõ ràng... nhằm đảm bảo các nguyên tắc: Gắn tương ứng, cân đối lãnh thổ, kết hợp các chuyên ngành theo lãnh thổ, có tập trung có phân tán, phù hợp với môi trường và an ninh quốc phòng nhằm đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

Phát triển tỉnh Kon Tum cần khắc phục những khó khăn, hạn chế của lãnh thổ; nghiên cứu và có giải pháp khả thi, phù hợp với từng giai đoạn phát triển; Hình thành những điểm đột phá về hạ tầng kinh tế, kỹ thuật, xã hội đồng bộ, hiện đại có cấu trúc và quy mô thuận lợi cho chiến lược phát triển chung của tỉnh theo từng giai đoạn phát triển. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bình đẳng giới, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng văn hóa, tinh thần của người dân.

- *Quan điểm bảo vệ môi trường*: Phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng gắn với bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên, khai thác và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ vững cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới một nền kinh tế xanh, tuần hoàn và thân thiện với môi trường. Khai thác sử dụng nước tổng hợp, tiết kiệm, hiệu quả, kết hợp hài hòa lợi ích và đảm bảo công bằng, hợp lý; phù hợp với khả năng nguồn nước, tôn trọng quy luật tự nhiên với điều kiện thực tế, không gây suy thoái, cạn kiệt nguồn nước. Việc quy hoạch, xây dựng mới các công trình khai thác, sử dụng nước phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước quốc gia, quy hoạch tổng hợp lưu vực sông.

- *Quan điểm chính trị, quốc phòng, an ninh, hợp tác và hội nhập*: Phát triển tỉnh Kon Tum trên quan điểm mở và hội nhập, có cơ chế chính sách hợp lý, tạo điều kiện tốt cho hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường liên kết phát triển hợp tác với các tỉnh, thành phố, các vùng trong nước, khu vực và quốc tế, cụ thể: tham gia tích cực các hoạt động hợp tác quốc tế trong khuôn khổ ASEAN, ASEAN

với các đối tác, các nước trong khu vực, các đối tác phát triển và các cơ chế hợp tác quốc tế, bao gồm cả các cơ chế hợp tác tiểu vùng Mê Kông, tiêu biểu như Hợp tác khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, các hành lang kinh tế tại khu vực, bao gồm hành lang Kinh tế Đông - Tây (EWEC) nhằm thu hút nguồn lực vào các lĩnh vực, khu vực ưu tiên phát triển của vùng với mục tiêu phát triển bền vững, bao trùm.

Phát triển kinh tế xã hội phải bảo đảm nguyên tắc hài hòa lợi ích giữa quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân theo quy định tại Luật quy hoạch năm 2017 trong đó lợi ích quốc gia là cao nhất; Đảm bảo tính công khai, minh bạch, tạo tiền đề cho các chính sách thu hút và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tăng cường quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế, tăng cường quan hệ hữu nghị, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại. Tăng cường liên kết phát triển hợp tác với các Tỉnh, thành phố, các vùng trong nước, khu vực và quốc tế.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

- Mục tiêu tổng quát của thời kỳ quy hoạch 2021-2030 là phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để xây dựng tỉnh Kon Tum trở thành tỉnh phát triển toàn diện, ổn định - bền vững và công bằng. Phấn đấu đưa Kon Tum trở thành một trong những tỉnh trung bình khá của cả nước; kết nối thuận lợi với các trung tâm kinh tế - xã hội lớn của vùng, cả nước, khu vực quốc tế thuộc tiểu vùng Mê Kông, các nước láng giềng và ASEAN. Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại; bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, góp phần phát triển vùng và đất nước.

- Tiếp tục phát triển tỉnh Kon Tum theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: Công nghiệp, Dịch vụ, Nông nghiệp, Đô thị và Nông thôn. Trong đó Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử; Đô thị thông minh và Nông thôn mới giàu bản sắc là trọng tâm; Công nghiệp xanh và hệ thống đô thị có quy mô lớn là mối quan tâm hàng đầu. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; có mối quan hệ liên kết phát triển mật thiết với các tỉnh lân cận trong vùng và cả nước; bền vững về môi trường sinh thái, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (*GRDP*) bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng trên 10%/năm; giai đoạn 2026-2030 đạt trên 9,5%/năm.

+ *GRDP* bình quân đầu người: đến năm 2025 đạt trên 70 triệu đồng/người, đến năm 2030 đạt khoảng trên 110 triệu đồng/người.

+ Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP: theo hướng giảm dần tỷ trọng Nông nghiệp; đảm bảo ở giai đoạn 2021-2025 cơ cấu các ngành Công nghiệp - Xây dựng, Dịch vụ và Nông - Lâm - Thủy Sản lần lượt là (32-33%), (42-43%) và (19-20%); giai đoạn 2025-2030 lần lượt là (33-35%), (43-45%), và (17-18%).

+ Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội: giai đoạn 2021-2025 đạt trên 118.000 tỷ đồng và 2025-2030 đạt trên 155.000 tỷ đồng.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm thời kỳ 2021-2030.

+ Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (*TFP*) vào tăng trưởng đến năm 2025 đạt khoảng trên 40%; đến năm 2030 đạt khoảng trên 45%.

- Về xã hội:

+ Chỉ số phát triển con người (*HDI*) đạt mức trên 0,65 vào năm 2025 và năm 2030 là 0,7.

+ 60 xã (70,6% số xã) trở lên đạt chuẩn nông thôn mới; 04 huyện và thành phố Kon Tum đạt chuẩn nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào năm 2025 và có trên 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 07 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó có 10% số đơn vị hành chính cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vào năm 2030.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non trên 50%, tiểu học trên 70%, trung học cơ sở trên 50%, trung học phổ thông trên 55% năm 2025; Mầm non trên 60%, tiểu học trên 80%, trung học cơ sở trên 65%, trung học phổ thông trên 65%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng trên 45% vào năm 2025 và khoảng trên 52% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân 3-4%/năm giai đoạn 2021-2030;

+ Số lượng giường bệnh/10.000 dân đạt 40 giường, số bác sỹ/10.000 dân đạt 12 bác sỹ.

+ Chỉ tiêu về văn hóa, thể dục thể thao: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa trên 60% năm 2025 và trên 100% năm 2030; tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt trên 90% năm 2025 và 100% năm 2030. Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” đạt trên 86% năm 2025 và trên 95% năm 2030. Tỷ lệ dân số tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt trên 40% năm 2025 và trên 50% năm 2030.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng phân đầu đến năm 2025 đạt 64% và đến năm 2030 duy trì độ che phủ rừng 66%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đến năm 2030 khoảng 95%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đến năm 2030 khoảng 90%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đạt dưới 30% so với lượng chất thải được thu gom vào năm 2030.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đến năm 2030 đạt 100%.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông tại các đô thị loại II trở lên đạt trên 50% và các đô thị từ loại V trở lên đạt trên 30%.

+ Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100% vào năm 2030.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: Tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch đạt 100%; Tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%.

+ Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 khoảng 52%.

- Về quốc phòng an ninh:

+ Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hàng năm đạt trên 90% vào năm 2025 và trên 98% vào năm 2030.

+ Đến năm 2025, có trên 80% xã, phường, thị trấn mạnh về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; đến năm 2030 số xã, phường, thị trấn mạnh về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt trên 95%.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông huyết mạch, kho tàng, bến bãi, cảng cạn, bến thủy nhằm gia tăng năng lực vận tải, giao thương hàng hóa và dịch vụ.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, Khu du lịch Măng Đen, các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu chức năng lớn, chuyên ngành về công nghiệp, du lịch, đô thị hóa...

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, đẩy mạnh liên kết; tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với đẩy mạnh thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Ổn định dân cư, tăng cường bảo tồn và phát huy giá trị sinh thái rừng, bảo vệ vốn rừng, xã hội hóa nghề rừng.

- Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ giáo dục, văn hóa, y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn lao động chất lượng cao. Thúc đẩy phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và đổi mới công nghệ vào các ngành, lĩnh vực trọng tâm để tạo ra sự bứt phá của một số công nghệ cao có tác động tích cực đến sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng các đô thị theo hướng hình thành các đô thị lớn, có mối liên kết mạnh với nhau nhằm đẩy mạnh đô thị hóa.

- Tăng cường kiểm soát các khu vực cần bảo tồn, khu vực nhạy cảm về môi trường, ngăn ngừa các hiểm họa thiên tai và các thảm họa khác do con người gây ra.

- Tăng cường cải cách hành chính; nâng cao chất lượng biện pháp quản lý nhà nước trong thể chế quản lý nhà nước; phục vụ tốt phát triển kinh tế, xã hội, phát triển đô thị và nông thôn.

- Chủ động phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan xây dựng các chương trình, kế hoạch hợp tác cụ thể để hoàn thành “Nội dung hợp tác triển khai Kế hoạch hành động kết nối ba nền kinh tế Campuchia - Lào - Việt Nam đến năm 2030”, thực hiện có hiệu quả “Kế hoạch phát triển ngành công nghiệp cao su bền vững trong khu vực Tam giác phát triển CLV” và “Kế hoạch phát triển ngành du lịch khu vực Tam giác phát triển giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030”; đồng thời, tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế để thu hút nguồn lực từ các nước và các đối tác phát triển trong triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh.

b) Đột phá phát triển

(i). Các ngành, lĩnh vực kinh tế

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (UDCNC) gắn với công nghiệp chế biến.

- Phát triển du lịch với nhiều loại hình theo định hướng “ba quốc gia, một điểm đến”: Tăng cường liên kết, phát triển du lịch, trọng tâm là (1) sinh thái, (2) văn hóa, (3) Nghỉ dưỡng, chữa bệnh; (4) Cộng đồng và (5) chuyên đề trên cơ sở bảo tồn, phát huy giá trị của các di tích lịch sử, bản sắc văn hoá, môi trường của các dân tộc thiểu số.

- Phát triển kinh tế đô thị - công nghiệp - du lịch dựa trên tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tại các khu vực trọng điểm (*đô thị, các khu, cụm công nghiệp - đô thị - dịch vụ*): trong đó trọng điểm là thành phố Kon Tum, các khu điểm công nghiệp, dịch vụ...

(ii). Phát triển các chuỗi sản phẩm chủ lực của tỉnh trong liên kết vùng

- Chuỗi giá trị ngành hàng nông lâm sản chủ lực gắn với chế biến: Cao su, cà phê; tinh bột sắn, dược liệu, gỗ,...

- Chuỗi giá trị năng lượng tái tạo: Thủy điện, năng lượng gió và mặt trời .
- Chuỗi giá trị ngành hàng khai khoáng: Sản xuất vật liệu xây dựng vật liệu cách âm, cách nhiệt và xử lý môi trường, vật liệu chịu lửa; vật liệu cháy; kim loại đen, kim loại màu, kim loại hiếm; đá quý..vv.
- Chuỗi liên kết lãnh thổ: (1) Liên kết Bắc - Nam (*tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây*); (2) Liên kết Đông - Tây (*Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y và các nước Đông Nam Á*).

(iii). Các khâu đột phá về không gian lãnh thổ

- Phát triển ba trung tâm đô thị: (1) Đô thị trung tâm (*Thành phố Kon Tum và các đô thị vệ tinh, đô thị cửa ngõ*); (2) Trung tâm đô thị phía Bắc (*Ngọc Hồi - Pờ Y*); (3) Trung tâm đô thị phía Đông (*Thị trấn Măng Đen và Khu Du lịch Quốc gia Măng Đen*);
- Phát triển ba hành lang kinh tế - kỹ thuật - đô thị động lực gồm: Hành lang đường Hồ Chí Minh (QL.14) và Cao tốc Bắc Nam; Hành lang QL.24 và Cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; Hành lang QL.40B;
- Phát triển ba trung tâm động lực tăng trưởng, gồm: Thành phố Kon Tum, Khu du lịch sinh thái Quốc gia Măng Đen và Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

(iv). Bốn nền tảng phát triển khác

- Nguồn lực dân số, lao động và văn hóa: Đào tạo và sát hạch cấp chứng chỉ cho lao động (*đặc biệt là sát hạch lao động kiểu cha truyền con nối*); (2) Cung cấp một hệ thống chăm sóc sức khỏe hiệu quả hơn; (3) Phát huy giá trị văn hóa toàn diện theo hướng văn minh, giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc;
- Chuyển đổi số: Phát triển công nghệ, các giải pháp tích hợp, ứng dụng CNTT; ứng dụng AI, IoT, Big Data, API; Xây dựng chính quyền số; nâng cấp hệ dùng chung của tỉnh;
- Cơ sở hạ tầng đồng bộ: Phát triển hạ tầng đồng bộ cho các dự án trọng điểm, khu công nghiệp, nông nghiệp và các đô thị; Xây dựng hạ tầng chống thiên tai, xử lý chất thải và nước thải; Nâng cấp thông tin viễn thông đáp ứng yêu cầu kinh tế số trên địa bàn tỉnh;
- Đổi mới và hoàn thiện thể chế, tạo môi trường kinh doanh minh bạch, lãnh đạo và điều hành theo hướng: Tăng cường vai trò kiến tạo của các cơ quan quản lý nhà; Cải thiện mạnh mẽ chỉ số PCI, đặc biệt cải thiện môi trường đầu tư; Thu hút đầu tư và nhân tài.

4. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, tỉnh Kon Tum hướng tới là một cực phát triển quan trọng của kinh tế vùng Tây Nguyên và hành lang kinh tế Đông - Tây với các nước tiểu vùng sông Mê Kông, là điểm kết nối quan trọng trong ngã tư kinh tế Bắc - Nam, Đông - Tây; có hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ và hiện đại; có nền

tăng kinh tế đủ sức cạnh tranh bình đẳng trên trường quốc tế. Nhìn chung đến năm 2050, tỉnh Kon Tum phấn đấu xây dựng hoàn chỉnh nền kinh tế số, phát triển ổn định - bền vững và công bằng; Tăng trưởng với nhịp độ đều và ổn định; đáp ứng các chỉ tiêu xã hội ngày càng tốt hơn; sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực tăng trưởng; có không gian sản xuất và sinh hoạt xã hội hướng xanh, thích nghi với biến đổi khí hậu; có môi trường đầu tư năng động, có chỉ số cạnh tranh đạt chuẩn quốc gia và khu vực (*thông thoáng, minh bạch, thân thiện, an ninh, an toàn*); an ninh chính trị, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

III. Phương hướng phát triển ngành quan trọng, phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

1. Phương hướng phát triển ngành quan trọng

a) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Xây dựng ngành theo hướng sản xuất hàng hóa có giá trị cao với các sản phẩm có lợi thế, đặc trưng, sản lượng lớn; Gắn kết với các ngành khác nhằm tạo lập sự hỗ trợ lẫn nhau về cung ứng và tiêu thụ sản phẩm, máy móc, vật tư...; Gắn với phát triển nông thôn nhằm nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của nông dân, tạo nhiều việc làm, giảm nghèo bền vững; Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án về phát triển nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

b) Ngành công nghiệp và xây dựng

Phát triển công nghiệp theo hướng có chọn lọc các lĩnh vực mà tỉnh Kon Tum đang có lợi thế như: Chế biến; Khai khoáng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Năng lượng; Tiêu dùng và xuất khẩu. Điều tiết tăng trưởng bền vững, duy trì sản phẩm quan trọng, chuyển dần từ gia công đơn đoạn sang sản xuất tuần hoàn. Giai đoạn 2030 - 2050 hoàn chỉnh chuyển đổi số, ưu tiên phát triển các thể hệ mới tự động hoá trên nền tảng công nghệ thông tin, viễn thông; tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp xanh và bền vững.

c) Các ngành, lĩnh vực dịch vụ

- Ngành du lịch: Phát triển du lịch theo hướng bền vững và đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở kế thừa, phát huy và hoàn chỉnh 05 sản phẩm du lịch đã hình thành từ giai đoạn 2011-2020, gồm: (1) Du lịch sinh thái; (2) Du lịch văn hóa; (3) Du lịch nghỉ dưỡng; (4) Du lịch cộng đồng (*Trải nghiệm khi hòa vào cuộc sống người bản địa*); (5) Du lịch chuyên đề (*Thể thao; hội thảo, hội nghị, ẩm thực, teambuilding... và phát triển một số sản phẩm du lịch mới. tổng hòa các loại trên với tăng cường tinh thần đoàn kết tập thể*) với hạ tầng dịch vụ đồng bộ, hiện đại và chuyên nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030 du lịch Kon Tum trở thành một ngành kinh tế quan trọng, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển; góp phần quan trọng vào việc xóa đói giảm nghèo; bảo đảm an sinh, an toàn xã hội và an ninh quốc phòng.

- Phát triển thương mại: Tăng cường giao thương điện tử và hình thành hệ thống thiết yếu như: Trung tâm thương mại, chợ, các điểm cung ứng... từ cấp tỉnh đến cấp huyện.

- Phát triển các ngành dịch vụ khác như: Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; Tài chính - Ngân hàng, bảo hiểm; Thông tin và truyền thông; ...

d) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

- *Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp:*

+ Hoàn chỉnh hệ thống vật chất, cải thiện chất lượng giảng dạy và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; chuyển đổi số và phát triển thành nền giáo dục thông minh (*Smart Education*). Nâng cao năng lực cơ bản cho đội ngũ giáo viên dạy học hòa nhập đối với trẻ khuyết tật học hòa nhập. Nâng cao chất lượng đối với học sinh DTTS với tỷ lệ tốt nghiệp chuyên ngành trên 45% vào năm 2030.

+ Phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng đổi mới, tạo chuyển biến mạnh về số lượng, chất lượng và hiệu quả đào tạo; phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp với đa dạng phương thức và trình độ đào tạo nghề nghiệp, chú trọng đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, phù hợp với nhu cầu nhân lực thị trường lao động; đảm bảo đào tạo lại và sát hạch cấp chứng chỉ cho khoảng 40% lao động trong tỉnh. Đến năm 2050, tiếp tục đổi mới và hoàn thiện phát triển nền giáo dục thông minh; Hoàn chỉnh mạng lưới giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp theo mô hình tiên tiến.

- *Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:* Hoàn chỉnh và hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; nâng cao chất lượng, vai trò và trách nhiệm của viên chức y tế; chuyển đổi số, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh. Đến năm 2030, đáp ứng 40 giường bệnh/vạn dân; Hoàn chỉnh y tế công cộng gắn với trung tâm CDC và y tế cơ sở; đảm bảo số bác sĩ/10.000 dân đạt 12 bác sĩ; 100% số trạm y tế xã/phường có bác sĩ làm việc. Đến năm 2050 hoàn thiện nền Y tế công bằng - hiệu quả - phát triển và thông minh trên nền tảng số và trang thiết bị hiện đại. Vận hành hiệu quả mạng lưới từ tỉnh đến cơ sở; kết hợp chặt giữa y tế khám chữa bệnh với y tế công cộng kiểm soát tốt dịch bệnh, an toàn thuốc và vệ sinh thực phẩm.

- *Văn hóa, thể thao:* Nâng cấp và hoàn chỉnh (*hoặc sáp nhập*) hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở từ cấp tỉnh xuống đến huyện và xã; chuyển đổi số, xây dựng và phát triển văn hóa thể thao thành nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc; Nâng cao nhận thức xã hội, đẩy mạnh tuyên truyền; hoàn thiện chính sách, xây dựng môi trường lành mạnh, chất lượng quản lý và hội nhập quốc tế; Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- *Khoa học công nghệ:* Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực quan trọng để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đầu tư phát triển tiềm lực khoa học công nghệ của tỉnh đạt trình độ trung bình khá của cả nước, nhằm nâng cao năng lực

nghiên cứu, làm chủ công nghệ tiên tiến, hiện đại để chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả trong sản xuất và đời sống tập trung trong một số lĩnh vực ưu tiên: nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, trồng và chế biến dược liệu, lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, lĩnh vực y - dược, lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn... Bảo hộ và phát triển quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước các sản phẩm, nhóm sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù và sản phẩm làng nghề mang địa danh của địa phương.

2. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Tổ chức cấu trúc tổng thể không gian phát triển kinh tế - xã hội

- Ba vùng động lực gồm: (1) Vùng Phía nam tỉnh (*thành phố Kon Tum và phụ cận gồm các huyện: Sa Thầy, Ia H'Drai, Đăk Hà, Đăk Tô*), (2) Vùng Phía Đông tỉnh (*huyện Kon Plông và huyện Kon Rẫy*), (3) Vùng Phía Bắc tỉnh (*các huyện: Đăk Glei, Tu Mơ Rông và Ngọc Hồi*).

- Bốn cực tăng trưởng gồm: (1) Thành phố Kon Tum - Đăk Hà; (2) Thị trấn Măng Đen - Đăk Rve; (3) Thị trấn Plei Kần - Pờ Y; (4) Thị trấn Đăk Glei.

- Sáu hành lang kinh tế gồm: (1) Hành lang dọc theo đường Hồ Chí Minh (QL.14) và Cao tốc Bắc Nam; (2) Hành lang dọc theo QL.24 và Cao tốc Quảng Ngãi – Kon Tum; (3) Hành lang dọc theo QL.14C. (4) Hành lang dọc theo QL.40, QL.40B; (5) Hành lang dọc theo QL.24D và ĐT.674; (6) Hành lang dọc theo ĐT.672 - 676.

b) Xác định các khu vực hạn chế phát triển: (1) Khu vực biên giới vì lý do quốc phòng, an ninh; (2) Khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia; (3) Khu vực vùng lõi, vùng đệm các khu di tích lịch sử, di sản văn hóa (*theo luật di sản*); (4) Hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật (*theo QCVN 01:2021*) và (5) Các khu vực đặc thù khác thuộc quyền quản lý an ninh quốc phòng hoặc quy định đặc biệt thuộc danh mục bảo vệ bí mật của nhà nước.

c) Xác định khu vực khuyến khích phát triển: Các khu vực khuyến khích phát triển là những khu vực còn lại (*ngoài mục b trên đây*); trong đó, đặc biệt khuyến khích phát triển 02 vùng: phía Nam và phía Đông tỉnh là những vùng liên huyện mang tính động lực chủ đạo phát triển kinh tế - xã hội đến 2030 và 2050.

IV. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

- *Đến năm 2025:* Toàn tỉnh có 11 đô thị, tập trung nguồn lực phát triển 3 vùng đô thị: (i) Vùng thành phố Kon Tum - Đăk Hà - Đăk Tô; (ii) Thị trấn Măng Đen - Đăk Rve; (iii) Vùng Plei Kần - Pờ Y - Đăk Glei. Bao gồm: 01 đô thị loại II; 03 đô thị loại IV và 07 đô thị loại V.

- *Giai đoạn 2026-2030:* Toàn tỉnh có 12 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh

đạt khoảng 52,30%. Tập trung nguồn lực phát triển 3 vùng đô thị: (1) Vùng thành phố Kon Tum - Đăk Hà - Đăk Tô - Sa Thầy - Ia H'Drai; (2) Thị trấn Măng Đen - Đăk Rve - Thị trấn huyện lỵ Kon Rẫy; (3) Vùng Plei Kần - Pờ Y - Đăk Glei - Tu Mơ Rông. Bao gồm: 01 đô thị loại II; 05 Đô thị loại IV và 06 đô thị loại V.

2. Phương án quy hoạch phát triển nông thôn

Tổ chức bố trí sắp xếp, ổn định dân cư nông thôn phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch hệ thống đô thị - nông thôn, quy hoạch nông thôn mới, đảm bảo bền vững, định cư lâu dài, giảm thiểu những thiệt hại tiềm ẩn do thiên tai gây ra. Phát triển các khu dân cư tập trung gắn với phát triển thương mại, dịch vụ nông thôn tại các xã trên địa bàn tỉnh.

V. Phương án phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

1. Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế

Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y có diện tích 16.000 ha, gồm xã Pờ Y, một phần xã Đăk Kan (*thôn 1, 3, 4*), một phần xã Đăk Xú (*thôn Thung Nai*) và một phần thị trấn Plei Kần (*thôn 7*) thuộc huyện Ngọc Hồi.

2. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

Giữ nguyên số lượng đã có trong quy hoạch khu công nghiệp Việt Nam, gồm: (1) Khu công nghiệp Hòa Bình (*60 ha, tại phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum*); (2) Khu công nghiệp Sao Mai (*150 ha, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum*); (3) Khu công nghiệp Đăk Tô (*146,76 ha, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô*) và bổ sung Khu công nghiệp sản xuất, chế biến dược liệu tập trung (*218,24 ha tại xã Tân Cảnh và thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô*). Đến năm 2030 toàn tỉnh có 04 khu công nghiệp với tổng diện tích 575 ha.

3. Phương án phát triển cụm công nghiệp

Đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 28 Cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 1.267 ha.

VI. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Bám sát định hướng của quy hoạch về đường bộ; đường sắt; đường thủy nội địa và đường hàng không cấp quốc gia để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh bảo đảm đồng bộ, hiện đại, liên thông, thúc đẩy liên kết vùng. Đồng thời, đề xuất tuyến cao tốc Quảng Ngãi – Kon Tum để bổ sung vào quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia dài khoảng 136km và đề xuất Quy hoạch sân bay tại thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông để bổ sung vào quy hoạch cảng hàng không quốc gia để tạo động lực đột phá phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum trong thời kỳ mới.

2. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

- Phát triển nguồn điện, bao gồm nguồn năng lượng tái tạo, phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia, Quy hoạch phát triển điện lực thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; khai thác tốt tiềm năng về năng lượng của tỉnh Kon Tum. Từng bước xây dựng và phát triển các nguồn điện có thể mạnh trong tỉnh, đặc biệt là nguồn thủy điện, điện gió và mặt trời, góp phần khai thác tài nguyên năng lượng của tỉnh hiệu quả, đảm bảo môi trường, phù hợp với kế hoạch phát triển chung của quốc gia.

- Xây dựng và nâng cấp mạng lưới điện đảm bảo năng lực cấp điện, từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của lưới điện truyền tải.

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

Tiếp tục phát triển hạ tầng băng rộng cố định đảm bảo 70% người dân được truy cập Internet băng thông rộng; phát triển dịch vụ mobile money tới 60% dân số của tỉnh. Ngâm hóa và thay thế 100% hệ mạng cũ, đáp ứng yêu cầu của vận hành Internet vạn vật (*IOT*); Hoàn thành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (*LGSP*) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Hoàn thành xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh bền vững; Thay thế 100% hệ thống tin di động 5G cho các mạng hiện nay; đảm bảo phạm vi phủ sóng 100% đô thị và 100% nông thôn; Đáp ứng phương thức sống và làm việc mới trong một môi trường số an toàn.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp thoát nước

Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi hướng tới phát triển ổn định, bền vững, thông minh và tự động hóa cao, trên cơ sở khai thác nguồn nước một cách khoa học, hiệu quả mang tính bền vững và bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống tưới tiêu cho khu sản xuất nông nghiệp tập trung, các vùng chuyên canh, các khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Đồng thời phát triển nguồn tạo tiền đề cho hệ thống cấp nước, thoát nước cho các đô thị, nông thôn và các khu, cụm công nghiệp một cách ổn định và bền vững. Các công trình thủy lợi phải đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai (*bão lũ, hạn hán, sạt lở đất...*), có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu và để giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung và các nhà máy đốt chất thải rắn ở các địa phương; các trạm xử lý nước thải tập trung ở các đô thị. Xây dựng các trạm xử lý nước thải độc lập ở các khu, cụm công nghiệp.

6. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

a) Phương án phát triển nhà ở

Đảm bảo phù hợp quy hoạch chung xây dựng của các địa phương. Tăng tỷ trọng nhà ở cho thuê đối với phân khúc nhà ở giá rẻ để giải quyết nhu cầu của

các đối tượng có thu nhập thấp tại đô thị. Phát triển nhà ở gắn với phát triển thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh và vùng Tây Nguyên. Bước đầu chuyển đổi mô hình nhà ở từ thấp tầng sang nhà ở trung và cao tầng, với hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ để sử dụng đất hiệu quả, tạo quỹ đất phát triển giao thông, công viên, không gian công cộng. Bảo tồn các công trình nhà ở có kiến trúc đặc thù, có giá trị trong địa bàn tỉnh. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở, nhà ở phải đồng bộ với quy hoạch đô thị, hạ tầng, kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

b) Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

Mở rộng quy mô giường bệnh của các bệnh viện tuyến tỉnh, các trung tâm y tế cấp huyện thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số,... và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cung cấp trang thiết bị cho các trạm y tế xã theo phương án phát triển của các huyện, thành phố. Tiếp tục khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập như thành lập các bệnh viện, phòng khám đa khoa, chuyên khoa và các cơ sở y tế khác.

c) Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. Mở rộng và phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. Tiếp tục củng cố hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú; đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục đối với hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú - đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh các xã đặc biệt khó khăn và vùng dân tộc thiểu số. Khuyến khích, hỗ trợ việc thành lập trường ngoài công lập đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch liên quan khác.

- Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo nghề, góp phần hình thành đội ngũ lao động có kỹ năng, trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Xây dựng các loại hình thiết chế văn hóa cấp tỉnh; cải tạo, nâng cấp, mua sắm thiết bị cho các trung tâm văn hóa - thể thao huyện, thị, thành phố; phát triển thiết chế văn hóa, thể thao vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu vùng xa...

đ) Phương án phát triển hạ tầng thương mại:

- Phát triển đồng bộ mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh với quy mô, cơ cấu, tính chất và công năng phù hợp với nhu cầu lưu thông hàng hóa và thị trường từng địa bàn. Trong đó, chú trọng phát triển mạng lưới chợ cung ứng hàng hóa nông sản thực phẩm cho thị trường khu vực đô thị và mạng lưới chợ cung ứng hàng công nghiệp tiêu dùng thông thường cho thị trường nông thôn.

- Phát triển mới, mở rộng mạng lưới siêu thị đến tất cả các huyện, thành phố. Phát triển các siêu thị, đặc biệt là các chuỗi siêu thị chuyên doanh tại các trung tâm thành phố, thị trấn, trung tâm xã đối với mặt hàng đồ gia dụng; điện tử, công nghệ; vật liệu xây dựng; máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất...

e) Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây mới các trung tâm bảo trợ xã hội công lập đáp ứng nhu cầu tiếp nhận, chăm sóc nuôi dưỡng các đối tượng chính sách.

- Xây dựng mới các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập để chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội.

g) Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Đầu tư nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho đơn vị quản lý và các tổ chức khoa học công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh. Phát triển các tổ chức Khoa học và Công nghệ ngoài công lập trong các tập đoàn, tổng công ty và các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

VII. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai

Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022.

VIII. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

Gồm 03 vùng:

- Vùng liên huyện phía Nam tỉnh, gồm: thành Kon Tum và phụ cận (*các huyện: Đăk Tô, Đăk Hà, Sa Thầy và Ia H'Drai*).
- Vùng liên huyện phía Đông tỉnh, gồm các huyện: Kon Plông và Kon Rẫy
- Vùng phía Bắc tỉnh, gồm các huyện: Đăk Glei, Tu Mơ Rông và Ngọc Hồi.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

Quy hoạch 9 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm: Vùng huyện Kon Plông; Vùng huyện Ngọc Hồi; Vùng huyện Đăk Glei; Vùng huyện Đăk Tô; Vùng huyện Đăk Hà; Vùng huyện Sa Thầy; Vùng huyện Kon Rẫy; Vùng huyện Ia H'Drai và Vùng huyện Tu Mơ Rông.

IX. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

1. Về phân vùng môi trường

Phương án phân vùng môi trường:

- *Vùng bảo vệ nghiêm ngặt*: (1) Khu dân cư tập trung ở đô thị loại 1,2,3; (2) Nguồn nước mặt được dùng cho cấp nước sinh hoạt; (3) Khu bảo tồn thiên nhiên về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; (4) Khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa;

- *Vùng hạn chế phát thải*: (1) Vùng đệm cho bảo vệ nghiêm ngặt; (2) Hành lang bảo vệ nguồn nước sinh hoạt; (3) Khu dân cư tập trung đô thị loại IV, loại V; (4) Khu vực dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm khác.

- *Vùng khác*: Là các vùng còn lại.

2. Về bảo tồn đa dạng sinh học

- *Các khu vực bảo tồn*: (1) Vườn Quốc gia Chư Mom Ray; (2) Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh; (3) Rừng đặc dụng Đắk Uy; (4) Khu Du lịch sinh thái Măng Đen; (5) Khu dự trữ thiên nhiên đất ngập nước Yaly; (6) Khu bảo tồn loài và sinh cảnh đất ngập nước Sông Sê San - hồ Yaly; (7) Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Plông.

- *Phương án bảo tồn*: (1) Bảo vệ an toàn hệ động thực vật hiện có; (2) Cân bằng sinh thái nhằm tăng độ che phủ rừng, tăng chất lượng rừng, bảo vệ nguồn nước; (3) Phát triển du lịch sinh thái; (4) Xây dựng các cơ sở bảo tồn (Vườn thực vật; Vườn thú và trung tâm cứu hộ động vật); (5) Xây dựng hành lang đa dạng sinh học Ngọc Linh - Ngọc Linh nối liền giữa Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh với Quảng Nam; khoảng 2.336 ha thuộc địa phận xã Đắk Choong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.

X. Giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch

1. Giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút vốn đầu tư

Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình không huy động được nguồn lực xã hội hóa. Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng kỹ thuật như giao thông, thủy lợi, điện, khu, cụm công nghiệp, đô thị và một số dự án đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội quan trọng khác. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu đổi mới phát triển kinh tế - xã hội, thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng, tác phong của đội ngũ cán bộ, công chức; ưu tiên hỗ trợ đào tạo đội ngũ doanh nhân xuất phát từ các chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khai thác tốt nguồn lực từ đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật hiện có; thu hút cán bộ có trình độ cao, chuyên gia giỏi, quản lý doanh nghiệp, công nhân lành nghề... Tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và

doanh nghiệp sử dụng lao động. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Giải pháp về môi trường

- *Bảo vệ môi trường*: Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên; Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

- *Về giải pháp phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số*: Hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp khoa học công nghệ, từng bước hình thành các khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và chính quyền các cấp để triển khai thực hiện chuyển đổi số.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu, duy trì thị trường đã có và hướng tới những thị trường mới; Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường; Xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị; tham gia xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, du lịch và các hoạt động văn hóa đối ngoại của địa phương. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và tuân thủ pháp luật. Xây dựng chương trình hợp tác song phương và đa phương.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Tổ chức quản lý có hiệu quả công tác quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh bằng các phương pháp và công nghệ hiện đại. Xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị ở các khu vực trung tâm, các trục giao thông mới; đồng thời, việc chỉnh trang đô thị ở các khu vực ngoại vi phải gắn kết hài hòa với quy hoạch các đô thị vùng trung tâm và quy hoạch xây dựng. Tổ chức lãnh thổ nông thôn mới đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ với hệ thống đô thị, nông thôn cả nước, của vùng Tây Nguyên, phù hợp với định hướng chung.

6. Đảm bảo an ninh, quốc phòng, an toàn xã hội

- Tiếp tục thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự.

- Chủ động phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm, quản lý chặt

chế hoạt động của người nước ngoài, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh, cư trú, lao động. Tăng cường quản lý vũ khí, vật liệu nổ; Siết chặt quản lý các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, nhất là các cơ sở kinh doanh lưu trú, dịch vụ cầm đồ, bảo vệ, karaoke, vũ trường.

- Tiếp tục triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra; Làm tốt công tác rà soát, xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm, tránh chồng chéo gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo.

7. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Công khai quy hoạch; thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch theo quy định của pháp luật;

- Triển khai xây dựng kế hoạch hành động và thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm.

- Kiểm tra giám sát quy hoạch: Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá thông qua việc xây dựng các chỉ tiêu, phân công nhiệm vụ, gắn với thời gian cụ thể; tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch.

- Các giải pháp khác: Thực hiện các giải pháp về tính chủ động, sáng tạo và tiên phong của lãnh đạo tỉnh trong tổ chức, điều hành, quản lý quy hoạch, lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp chuyên đề xem xét, quyết định (*Có dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh kèm theo*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- Văn phòng Tỉnh ủy (đ/b);
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh (đ/b);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (đ/b);
- Lưu: VT, KTTH_{NTT}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC
HỒ SƠ TRÌNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. HỒ SƠ QUY HOẠCH

- Link đầy đủ:

https://drive.google.com/drive/folders/1Ga_xVQMUBiZQksdjh57JVIporeP8ctkz?usp=sharing

- Link rút gọn: <https://me-qr.com/8HBIqYSO>

- QR code:



2. CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH

- Link đầy đủ:

<https://drive.google.com/drive/folders/1VyklU5IDS8cBG4iOzH7wubjbe0D86pi9>

- Link rút gọn: <https://me-qr.com/5FtnUdOX>

- QR code:

